

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình
mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2021-2025**

**TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO CÁC CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1945/QĐ-TTG ngày 18/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 45/TTr-SKH-KGVX ngày 24/5/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2021 - 2025; Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Lao Động, Thương binh và Xã hội;
- Ủy Ban Dân tộc;
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- TT.TU, TT.HĐND;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh; *vu*
- Lưu: VT, TH. *10*



CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Võ Văn Hưng

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
BCĐ CÁC CHƯƠNG TRÌNH
MTQG GIAI ĐOẠN 2021-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ

Hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 1499/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 06/6/2022
của Trưởng ban Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Trị)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

- Các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 gồm: (i) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, (ii) Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, (iii) Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (viết tắt là các Chương trình MTQG);

- Quy chế này quy định về nguyên tắc làm việc, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc và quan hệ phối hợp công tác của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2025 được thành lập theo Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của UBND tỉnh (viết tắt là Ban Chỉ đạo tỉnh).

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng cho Ban Chỉ đạo tỉnh, các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh, các Bộ phận giúp việc của các chương trình mục tiêu quốc gia và các Cơ quan giúp việc cho Ban Chỉ đạo tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc làm việc của Ban Chỉ đạo tỉnh

1. Ban Chỉ đạo tỉnh chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch UBND tỉnh - Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh trong việc quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Ban Chỉ đạo tỉnh làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu; tập thể thảo luận, Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh kết luận và chỉ đạo thực hiện.

3. Thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh tham gia, thực hiện đầy đủ các hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh và kịp thời báo cáo, chịu trách nhiệm trước Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh về các nhiệm vụ được phân công theo quy định tại Quy chế này.

4. Các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh làm việc theo chế độ kiêm nhiệm sử dụng bộ máy và con dấu của đơn vị mình để thực hiện nhiệm vụ được phân công.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA BAN CHỈ ĐẠO TỈNH

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo tỉnh

Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của UBND tỉnh và được cụ thể hóa tại Quy định này như sau:

1. Tham mưu UBND tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định:

a) Mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương.

b) Cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (viết tắt là Nghị định số 27/2022/NĐ-CP).

c) Cơ chế huy động các nguồn lực khác quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

d) Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

đ) Bố trí ngân sách địa phương thực hiện chính sách tín dụng, hỗ trợ tín dụng cho từng đối tượng, lĩnh vực, nội dung, hoạt động thuộc từng chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

e) Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

2. Tham mưu UBND tỉnh:

a) Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022.

b) Lập, ban hành kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP; lập, giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

c) Ban hành các quy định trong tổ chức thực hiện quản lý đầu tư xây dựng một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền theo cơ chế đặc thù quy định tại Chương IV Nghị định số 27/2022/NĐ-CP:

- Xây dựng, lấy ý kiến các bộ, cơ quan trung ương quản lý ngành, lĩnh vực và ban hành danh mục các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP; quyết định hoặc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thiết kế mẫu, thiết kế điển hình và áp dụng các thiết kế sẵn có đối với các dự án quy định tại Điều 14 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP;

- Quy định mức hỗ trợ dự án được thực hiện cơ chế giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện quy định tại khoản 5, Điều 17 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP;

- Quyết định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án;

- Quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền); Quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán các nguồn vốn được lồng ghép theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP;

- Quy định việc quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình.

d) Quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng theo quy định tại khoản 7 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

đ) Chỉ đạo thực hiện, tổ chức giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn theo quy định tại Điều 30, Điều 31 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

e) Thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

g) Quyết định thành lập bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo tỉnh về quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện từng Chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh

1. Thay mặt Ban Chỉ đạo tỉnh xử lý và giải quyết các vấn đề có liên quan trong quá trình chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; xử lý các công việc phát sinh trong trường hợp không tổ chức họp Ban Chỉ đạo tỉnh.

2. Chỉ đạo việc xây dựng và triển khai thực hiện chương trình công tác hằng năm của Ban Chỉ đạo tỉnh.

3. Kiến nghị Ban Chỉ đạo tỉnh giải quyết các đề xuất, kiến nghị của thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh

1. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về thực hiện chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh.

2. Lãnh đạo, điều hành hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh

a) Ban hành, chỉ đạo thực hiện chương trình công tác của Ban Chỉ đạo tỉnh; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh.

b) Chủ trì và kết luận các cuộc họp của Ban Chỉ đạo tỉnh, Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh để triển khai tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

c) Quyết định những vấn đề thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo tỉnh.

d) Chỉ đạo Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh, các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh, các Bộ phận giúp việc thực hiện các nhiệm vụ được phân công; chỉ đạo việc điều phối, phối hợp công tác giữa các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh, cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo tỉnh.

đ) Ký hoặc phân công Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh ký các văn bản của Ban Chỉ đạo tỉnh.

e) Phân công Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh xử lý các công việc thường xuyên của Ban Chỉ đạo tỉnh liên quan đến chương trình mục tiêu quốc gia thuộc lĩnh vực phụ trách; chủ trì tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh

1. Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh - Phụ trách Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

a) Giúp Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh trực tiếp điều hành hoạt động các Chương trình phụ trách.

b) Chịu trách nhiệm trước Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; thay mặt Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh điều hành hoạt động của Ban Chỉ đạo khi được ủy quyền và khi Trưởng ban vắng mặt.

c) Kiểm tra, báo cáo Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh về sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội và các đơn vị có liên quan trong việc tổ chức triển khai thực hiện các Chương trình phụ trách.

d) Chủ trì tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất theo sự phân công của Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh, các cuộc họp liên quan đến các Chương trình phụ trách.

đ) Theo dõi, đôn đốc, thực hiện chế độ báo cáo trực tiếp với Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh về kết quả thực hiện các Chương trình phụ trách.

e) Giúp Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế chính sách theo nội dung được quy định tại các Quyết định số: 263/QĐ-TTg ngày 22/3/2022 và số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh - Phụ trách Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

a) Giúp Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh trực tiếp điều hành hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh trong việc chỉ đạo triển khai, thực hiện Chương trình phụ trách.

b) Chịu trách nhiệm trước Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công.

c) Kiểm tra, báo cáo Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh về sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội và các đơn vị có liên quan trong việc tổ chức triển khai thực hiện Chương trình phụ trách.

d) Chủ trì tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất theo sự phân công của Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh, các cuộc họp liên quan đến Chương trình phụ trách.

đ) Theo dõi, đôn đốc, thực hiện chế độ báo cáo trực tiếp với Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh về kết quả thực hiện Chương trình phụ trách.

e) Giúp Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế chính sách theo nội dung được quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của các Ủy viên Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh

1. Nhiệm vụ và quyền hạn chung của Ủy viên Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh:

a) Chịu trách nhiệm trước Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công.

b) Trực tiếp tham mưu, tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

c) Tham mưu triển khai các nhiệm vụ, hoạt động do Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh phân công về quản lý, điều hành các Chương trình mục tiêu quốc gia.

d) Tham mưu Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh, các Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo phụ trách Chương trình cơ chế, chính sách theo chức năng được quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 263/QĐ-TTg ngày 22/3/2022, số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 và số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Ủy viên Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh

a) Ủy viên Thường trực - Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Tham mưu thành lập Ban Chỉ đạo tỉnh, quy chế hoạt động Ban Chỉ đạo tỉnh; sửa đổi, bổ sung, kiện toàn Ban Chỉ đạo và quy chế hoạt động Ban Chỉ đạo;

- Phân công nhiệm vụ ủy viên và lãnh đạo bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện các nhiệm vụ liên quan;

- Hướng dẫn, tổng hợp chung các Chương trình mục tiêu quốc gia; các đề xuất, kiến nghị và xử lý, giải quyết các vấn đề có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; tham mưu tổ chức các buổi họp định kỳ, đột xuất theo chỉ đạo của Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh; tổng hợp kế hoạch và các nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

- Tham mưu triển khai các cơ chế, chính sách về quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; cơ chế, chính sách quản lý và sử dụng nguồn vốn đầu tư công thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

- Chủ trì tham mưu thực hiện các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện các Chương trình;

- Tham mưu các nội dung khác do Trưởng Ban Chỉ đạo giao.

b) Ủy viên Thường trực - Giám đốc Sở Tài chính:

- Tham mưu nguồn vốn đối ứng thực hiện các Chương trình MTQG theo quy định của pháp luật; phối hợp tham mưu tổng hợp chung các Chương trình MTQG;

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, đề xuất cơ chế tài chính, quản lý, thanh toán, quyết toán nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025;

- Chủ trì tham mưu thực hiện các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Tài chính trong quá trình triển khai thực hiện các Chương trình;

- Tham mưu các nội dung khác do Trưởng Ban Chỉ đạo giao.

c) Ủy viên thường trực - Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Quản lý, tổng hợp và tham mưu tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

- Tổng hợp các đề xuất, kiến nghị và xử lý, giải quyết các vấn đề có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; tổ chức các buổi họp định kỳ, đột xuất trong việc tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo chỉ đạo của Trưởng ban, Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh phụ trách Chương trình;

- Chủ trì tham mưu thực hiện các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Bộ quản lý dự án thành phần, tiểu dự án liên quan đến Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới;

- Tham mưu các nội dung khác do Trưởng ban Ban Chỉ đạo giao.

d) Ủy viên thường trực - Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Quản lý, tổng hợp và tham mưu tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững;

- Tổng hợp các đề xuất, kiến nghị và xử lý, giải quyết các vấn đề có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng giảm nghèo bền vững; tổ chức các buổi họp định kỳ, đột xuất trong việc tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo chỉ đạo của Trưởng ban, Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh phụ trách Chương trình;

- Chủ trì tham mưu thực hiện các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các Bộ quản lý dự án thành phần, tiểu dự án liên quan đến Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững;

- Tham mưu các nội dung khác do Trưởng ban Ban Chỉ đạo giao.

đ) Ủy viên thường trực - Trưởng Ban Dân tộc:

- Quản lý, tổng hợp và tham mưu tổ chức thực hiện của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Tổng hợp các đề xuất, kiến nghị và xử lý, giải quyết các vấn đề có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tổ chức các buổi họp định kỳ, đột xuất trong việc tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo chỉ đạo của Trưởng ban, Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh phụ trách Chương trình;

- Chủ trì tham mưu thực hiện các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Ủy ban Dân tộc, các Bộ quản lý dự án thành phần, tiểu dự án liên quan đến Chương trình MTQG gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Tham mưu các nội dung khác do Trưởngban Ban Chỉ đạo giao.

Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy viên Ban Chỉ đạo tỉnh

1. Ủy viên Ban Chỉ đạo tỉnh

- Chịu trách nhiệm trước Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh về những nhiệm vụ được phân công;

- Phối hợp với các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh trong việc quản lý, tổng hợp và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động của các Chương trình mục tiêu quốc gia thuộc chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của ngành, đơn vị mình quản lý;

- Các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh chủ động lồng ghép nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo tỉnh với công tác của ngành, đơn vị mình nhằm khai thác tốt nhất các điều kiện hoạt động, gắn công tác quản lý, chỉ đạo thường xuyên của ngành, đơn vị mình với nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo tỉnh;

- Tham mưu các nội dung khác do Trưởng ban Ban Chỉ đạo giao.

2. Các Ủy viên được mời tham gia Ban Chỉ đạo tỉnh

a) Chịu trách nhiệm trước Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh về những nhiệm vụ được phân công.

b) Phối hợp với các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh trong tổ chức giám sát việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và hàng năm; chỉ đạo các cơ quan cấp dưới phối hợp với chính quyền cùng cấp thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến và vận động các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia thực hiện các nội dung của các Chương trình mục tiêu quốc gia, quy hoạch, kế hoạch xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

c) Đề xuất với Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh các giải pháp theo dõi, giám sát và các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của một số sở, ban, ngành:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì tham mưu hướng dẫn thực hiện các nội dung quy định tại Điều 3 quy chế này, cụ thể:

a) Cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 10 Nghị định số Nghị định 27/2022/NĐ-CP.

b) Cơ chế huy động nguồn lực hợp pháp khác thực hiện các Chương trình MTQG theo quy định tại Điều 12 Nghị định số Nghị định 27/2022/NĐ-CP.

c) Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

d) Tổng hợp phương án phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh, huyện theo đề xuất của các cơ quan chủ chương trình; tổng hợp và trình UBND tỉnh mục tiêu, nhiệm vụ và phương án phân bổ, giao kế hoạch vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh, huyện thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia 5 năm và hàng năm.

đ) Hướng dẫn thực hiện; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo giám sát, đánh giá các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn theo quy định của các Điều 30, 31, 32 của Nghị định 27/2022/NĐ-CP.

2. Sở Tài chính:

Chủ trì tham mưu các nội dung quy định tại Điều 3 quy chế này, cụ thể:

a) Quy mô, bố trí ngân sách địa phương thực hiện chính sách tín dụng, hỗ trợ tín dụng cho từng đối tượng, lĩnh vực, nội dung, hoạt động thuộc từng chương trình mục tiêu quốc gia bảo đảm phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương và quy định của pháp luật về quản lý vốn tín dụng chính sách theo quy định tại Điều 11 Nghị định số Nghị định 27/2022/NĐ-CP

b) Quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền); Quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán các nguồn vốn được lồng ghép.

c) Quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng.

d) Tổng hợp phương án phân bổ vốn sự nghiệp ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh, huyện theo đề xuất của các cơ quan chủ chương trình; phối hợp tổng hợp và trình UBND tỉnh mục tiêu, nhiệm vụ và phương án phân bổ, giao kế hoạch vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh, huyện thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia 5 năm và hằng năm.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Chủ trì tham mưu các nội dung quy định tại Điều 3 quy chế này, cụ thể:

a) Xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

b) Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.

c) Cơ chế huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

d) Kiện toàn Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh.

đ) Xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ và phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới kế hoạch 5 năm và hằng năm gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo quy định.

e) Thực hiện, tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 30 và 31 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và báo cáo giám sát, đánh giá Chương trình theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

g) Chịu trách nhiệm tham mưu các nội dung liên quan đến công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán thực hiện Chương trình MTQG được giao phụ trách.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

Chủ trì tham mưu các nội dung quy định tại Điều 3 quy chế này, cụ thể:

a) Xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững.

b) Cơ chế huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững.

c) Đề xuất thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo về quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững.

d) Xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ và phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững kế hoạch 5 năm và hằng năm gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo quy định.

đ) Thực hiện, tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 30 và 31 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và báo cáo giám sát, đánh giá Chương trình theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

e) Chịu trách nhiệm tham mưu các nội dung liên quan đến công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán thực hiện Chương trình MTQG được giao phụ trách.

5. Ban Dân tộc:

Chủ trì tham mưu các nội dung quy định tại Điều 3 quy chế này, cụ thể:

a) Xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Cơ chế huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện Chương trình MTQG Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Đề xuất thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo về quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

d) Xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ và phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi kế hoạch 5 năm và hằng năm gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo quy định.

đ) Thực hiện, tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn theo quy định tại khoản 4 Điều 30 và 31 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và báo cáo giám sát, đánh giá Chương trình theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

e) Chịu trách nhiệm tham mưu các nội dung liên quan đến công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán thực hiện Chương trình MTQG được giao phụ trách.

6. Sở Xây dựng

Chủ trì tham mưu các nội dung quy định tại Điều 3 quy chế này, cụ thể:

a) Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù; danh mục các loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù; Quy định mức hỗ trợ dự án được thực hiện cơ chế giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

b) Xây dựng, lấy ý kiến các Bộ, cơ quan trung ương quản lý ngành, lĩnh vực và ban hành danh mục các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù.

c) Tham mưu UBND tỉnh quyết định hoặc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thiết kế mẫu, thiết kế điển hình và áp dụng các thiết kế sẵn có đối với các dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia.

d) Tham mưu Quy định việc quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình.

đ) Quyết định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án.

Chương III

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC, QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA BAN CHỈ ĐẠO TỈNH

Điều 10. Chế độ làm việc

1. Ban Chỉ đạo tỉnh làm việc thông qua các phiên họp định kỳ 6 tháng, năm hoặc đột xuất theo quyết định của Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh hoặc Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh (*khi Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh ủy quyền*).

a) Nội dung cuộc họp, thành phần tham dự và thời điểm tổ chức cuộc họp của Ban Chỉ đạo tỉnh do Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh hoặc Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh (*khi Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh ủy quyền*) quyết định.

b) Cuộc họp của Ban Chỉ đạo tỉnh phải được thông báo bằng văn bản về nội dung (*tài liệu kèm theo*), thời gian và địa điểm làm việc. Các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh có trách nhiệm nghiên cứu văn bản, chuẩn bị ý kiến thảo luận, bố trí thời gian tham dự đầy đủ các phiên họp của Ban Chỉ đạo tỉnh khi được triệu tập.

c) Kết luận của Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh, các Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh được thể hiện bằng thông báo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Trường hợp không tổ chức được cuộc họp, có thể thông báo và xin ý kiến các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh bằng văn bản.

đ) Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh cho ý kiến sau cùng trong trường hợp có nhiều ý kiến khác nhau giữa các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh về cùng một vấn đề trong triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh (hoặc thường trực Ban Chỉ đạo mở rộng) làm việc với từng Bộ phận giúp việc của từng Chương trình MTQG để giải quyết những vấn đề liên quan đến lĩnh vực được phân công của từng Bộ phận giúp việc theo chỉ đạo của Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh/Phó Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh. Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh (hoặc người được ủy quyền) quyết định thành phần, thời gian, địa điểm và nội dung cuộc họp.

3. Chế độ báo cáo

a) Các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh theo nhiệm vụ được phân công thực hiện chế độ báo cáo đánh giá theo định kỳ 6 tháng (chậm nhất là ngày 05 tháng 6), hằng năm (chậm nhất là ngày 05 tháng 12) gửi cơ quan chủ Chương trình MTQG và Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp.

b) Các cơ quan chủ Chương trình MTQG thực hiện chế độ báo cáo việc triển khai, thực hiện Chương trình và theo lĩnh vực được phân công định kỳ 6 tháng (chậm nhất là ngày 10 tháng 6 hằng năm), hằng năm (chậm nhất là ngày 10 tháng 12 hằng năm) theo yêu cầu của Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh gửi cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh (*thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư*) để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh.

Điều 11. Môi quan hệ công tác

1. Các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh tham gia các hoạt động chung của Ban Chỉ đạo tỉnh và thực hiện nhiệm vụ do Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh phân công.

2. Quan hệ công tác giữa các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh: Các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh có trách nhiệm phối hợp trong việc theo dõi, quản lý, tổng hợp và tổ chức triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

3. Các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, giám sát việc thực hiện các nội dung, nhiệm vụ và kế hoạch triển khai các dự án thành phần, nội dung thành phần thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia theo chức năng, nhiệm vụ được phân công; kịp thời báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh về kết quả, tiến độ thực hiện, các vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện các Chương trình MTQG.

4. Bộ phận giúp việc phối hợp với cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo tỉnh trong việc tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được Ban Chỉ đạo Trung tỉnh.

5. Các cơ quan giúp việc cho Ban Chỉ đạo tỉnh kịp thời tham mưu cho Ban Chỉ đạo tỉnh về quản lý, điều phối, tổ chức thực hiện Chương trình MTQG.

6. Quan hệ giữa thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh với UBND các huyện, thành phố, thị xã; lãnh đạo sở, ban, ngành có liên quan: Các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra thực hiện các nội dung, nhiệm vụ và kế hoạch triển khai từng chương trình, dự án thành phần thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

Điều 12. Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh

1. Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh từ nguồn vốn các Chương trình MTQG do trung ương hỗ trợ và ngân sách tỉnh cấp.

2. Hằng năm, giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Dân tộc tỉnh lập kế hoạch dự toán ngân sách, cân đối trong dự toán chi hằng năm của các đơn vị thành viên Ban Chỉ đạo báo cáo trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Trách nhiệm của Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố:

Phối hợp, tạo điều kiện để Ban Chỉ đạo tỉnh hướng dẫn, kiểm tra và tiến hành các hoạt động có liên quan đến việc thực hiện các nội dung, kế hoạch, nhiệm vụ của các Chương trình MTQG.

Đánh giá, chỉ đạo đánh giá tình hình triển khai các cơ chế, chính sách do địa phương ban hành để thực hiện các Chương trình MTQG nhằm kịp thời kiến nghị điều chỉnh đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Điều 14. Trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, đôn đốc thực hiện

1. Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy chế này.

2. Trường hợp cần bổ sung, sửa đổi Quy chế, các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh gửi đề xuất về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tham mưu Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh báo cáo Trưởng ban Ban Chỉ đạo tỉnh xem xét, quyết định./.